

ĐẶC ĐIỂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE CỦA ĐIỀU DƯỠNG VÀ HỘ SINH TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THIỆN AN

Phan Thị Dung, Nguyễn Việt Tiên

Bệnh viện Phụ Sản Thiện An

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Giáo dục sức khỏe có vai trò to lớn trong việc giúp người bệnh thay đổi hành vi có hại và duy trì hành vi có lợi cho sức khỏe. Để đạt được hiệu quả cao trong hoạt động giáo dục sức khỏe thì người điều dưỡng cần có kiến thức và kỹ năng giáo dục sức khỏe tốt.

Mục tiêu: Mô tả kiến thức, kỹ năng của điều dưỡng, hộ sinh về giáo dục sức khỏe cho người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện Phụ sản Thiện An năm 2022.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, được thực hiện trên toàn bộ 15 điều dưỡng và hộ sinh đang trực tiếp chăm sóc người bệnh từ tháng 4/2022 đến tháng 10 năm 2022. Bộ công cụ đánh giá kiến thức và thực hành của điều dưỡng về hoạt động giáo dục sức khỏe. Điểm trung bình kiến thức, thực hành càng cao thì kiến thức, thực hành của điều dưỡng và hộ sinh càng tốt và ngược lại. Phần mềm Epidata 3.1 và SPSS 20.0 được sử dụng để nhập và phân tích số liệu.

Kết quả: Tỷ lệ điều dưỡng, hộ sinh có kiến thức tốt là 60,0%; khá là 20,0% và trung bình là 20,0%. Điểm trung bình kiến thức là 49,8(±7,06)/60 điểm. Tỷ lệ điều dưỡng, hộ sinh có kỹ năng tốt là 13,3%; khá là 33,3%; trung bình là 53,3% và không có điều dưỡng, hộ sinh nào yếu. Điểm trung bình 08 kỹ năng giáo dục sức khỏe của điều dưỡng, hộ sinh là 28,2(±3,97)/40 điểm.

Kết luận. Kiến thức, kỹ năng giáo dục sức khỏe của điều dưỡng và hộ sinh tại Bệnh viện Phụ Sản Thiện An ở mức cao. Tuy nhiên có một số điều dưỡng, hộ sinh và một số nội dung kiến thức, kỹ năng giáo dục sức khỏe cần tập trung đào tạo, rèn luyện thêm.

Từ khóa: Kiến thức, kỹ năng, giáo dục sức khỏe, điều dưỡng

ABSTRACT

Background: Health education has a great role in helping patients change harmful and maintain healthy behaviors. To achieve high efficiency in health education activities, nurses need to have good health education knowledge and skills.

Chịu trách nhiệm: Phan Thị Dung, Bệnh viện phụ sản Thiện An

Email: phanthizungvd@gmail.com

Ngày nhận bài: 26/4/2023; Ngày nhận xét: 12/5/2023; Ngày duyệt bài: 20/5/2023

<https://doi.org/10.54804/yhthvb.2.2023.226>

Objective and method: Describe the knowledge and skills of nurses and midwives in health education for inpatients at Thien An Obstetrics and Gynecology Hospital in 2022. A cross-sectional study was conducted on 15 nurses from April to October 2022. A self-developed questionnaire was developed to evaluate the knowledge and practice of nurses and midwives in health education activities. The data was collected and processed by Epidata 3.1 and SPSS 20.0.

Results: The percentage of nurses and midwives with very good, good, and average knowledge was 60.0%, 20.0% and 20.0%, respectively. The average knowledge score is 49.8(\pm 7.06)/60 points. The percentage of nurses with very good, good, and average skills was 13.3%, 33.3% and 53.3%, respectively. The average score of 08 health education skills of nurses is 28.2(\pm 3.97)/40 points.

Conclusion: the health education knowledge and skills of nurses and midwives at Thien An Obstetrics and Gynecology Hospital were good. However, some nurses need further training and some health education components need to be further revised.

Keywords: Knowledge, skills, health education, nursing

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Điều dưỡng (ĐD) là lực lượng đông đảo nhất trong bệnh viện và cũng là lực lượng tiếp xúc với người bệnh (NB) nhiều nhất trong quá trình điều trị bệnh. Nhằm đảm bảo chăm sóc toàn diện người bệnh, bên cạnh việc thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng, người điều dưỡng còn thực hiện hoạt động tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh [1].

Giáo dục sức khỏe có vai trò to lớn trong việc thay đổi hành vi sức khỏe không tốt của người bệnh. Nếu công tác giáo dục sức khỏe được đảm bảo và đạt hiệu quả sẽ giúp giảm tỷ lệ mắc bệnh, tỷ lệ tàn phế, tử vong, nhất là ở các nước đang phát triển như Việt Nam [2].

Việc thay đổi một hành vi từ không tốt sang tốt cho sức khỏe của người bệnh là hết sức khó khăn. Việc duy trì các hành vi sức khỏe có lợi còn khó khăn hơn rất nhiều. Để đạt được hiệu quả cao trong hoạt động giáo dục sức khỏe người điều dưỡng cần có kiến thức và kỹ năng giáo dục sức khỏe tốt. Các nội dung kiến thức giáo dục sức khỏe gồm: Làm quen, quan

sát, lắng nghe, đặt câu hỏi, giải thích, sử dụng tài liệu giáo dục sức khỏe, khuyến khích động viên khen ngợi.

Về kỹ năng đòi hỏi người điều dưỡng cần có các kỹ năng: Thuyết trình, đặt câu hỏi, lắng nghe, quan sát, thuyết phục, khuyến khích động viên, sử dụng tài liệu và các kỹ năng phi ngôn từ.

Tuy mới trải qua hơn hai năm thành lập nhưng bệnh viện Phụ Sản Thiện An với mục tiêu chăm sóc người bệnh toàn diện, an toàn, chất lượng, hiệu quả và hài lòng. Một trong những hoạt động được bệnh viện quan tâm là xây dựng tài liệu đào tạo cho điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên về truyền thông giáo dục sức khỏe.

Tuy nhiên cho đến trước khi triển khai nghiên cứu này chưa có đánh giá khách quan và khoa học về công tác giáo dục sức khỏe của điều dưỡng, hộ sinh. Đây là lý do để chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu mô tả kiến thức, kỹ năng của điều dưỡng, hộ sinh về giáo dục sức khỏe cho người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện Phụ sản Thiện An năm 2022.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu:

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.2. Địa điểm, thời gian

Thời gian nghiên cứu từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/10/2022 tại Bệnh viện Phụ sản Thiên An.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

15 điều dưỡng viên, hộ sinh đang làm việc toàn thời gian và trực tiếp chăm sóc, giáo dục sức khỏe cho người bệnh tại bệnh viện trong thời gian nghiên cứu.

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Cỡ mẫu toàn bộ 15 điều dưỡng viên, hộ sinh đang làm việc tại bệnh viện. Phương pháp chọn mẫu thuận tiện, liên hệ mời đối tượng nghiên cứu tham gia nghiên cứu một cách tự nguyện sau khi được giải thích về mục tiêu, nội dung của nghiên cứu.

2.5. Phương pháp thu thập thông tin

Tiến hành phát phiếu phỏng vấn điều dưỡng, hộ sinh dựa trên bộ câu hỏi thiết kế sẵn.

2.6. Bộ công cụ và thang đo

Phiếu phát vấn gồm 03 phần: Phần 1 là thông tin chung, phần 2 là kiến thức liên quan đến kỹ năng giáo dục sức khỏe chia 7 mục gồm 30 câu hỏi (*Bộ câu hỏi đạt hệ số tin cậy thang đo Cronbach's Alpha = 0.885*). Trả lời đúng đủ được 2 điểm, chưa đủ được 1 điểm, không được 0 điểm. Điểm tối đa 60 điểm, tối thiểu 0 điểm.

Phần 3 đánh giá kỹ năng gồm 8 câu hỏi. Đánh giá theo thang 5 mức độ từ 1 - rất không tự tin đến 5 rất tự tin. Điểm tối thiểu là 0 điểm, tối đa là 40 điểm. Phân loại kiến thức, kỹ năng Tốt $\geq 80\%$ tổng điểm; Khá $\geq 70\% - 79\%$ tổng điểm; Trung bình $\geq 50 - 69\%$ tổng điểm; Yếu $< 50\%$ tổng điểm.

2.7. Phân tích số liệu

Số liệu sau khi thu thập được làm sạch, nhập liệu và phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 20.0. Thống kê mô tả (tỷ lệ phần trăm, tỷ lệ trung bình, giá trị lớn nhất - giá trị nhỏ nhất) được sử dụng để mô tả các biến số của nghiên cứu. Kiểm định T-test và ANOVA được sử dụng để so sánh các giá trị trung bình giữa các nhóm độc lập.

2.8. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thông qua bởi hội đồng xét duyệt đề cương của Bệnh viện Phụ sản Thiên An. Đối tượng tham gia nghiên cứu hoàn toàn tự nguyện và thông tin của đối tượng nghiên cứu được đảm bảo bí mật.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n = 15)

	Đặc điểm	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	0	0,0
	Nữ	15	100
Tuổi	<30 tuổi	11	73,3
	Từ 30 tuổi trở lên	4	26,7
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	9	60,0
	Đã kết hôn	6	40,0
Trình độ	Cao đẳng	10	66,7
	Đại học	5	33,3

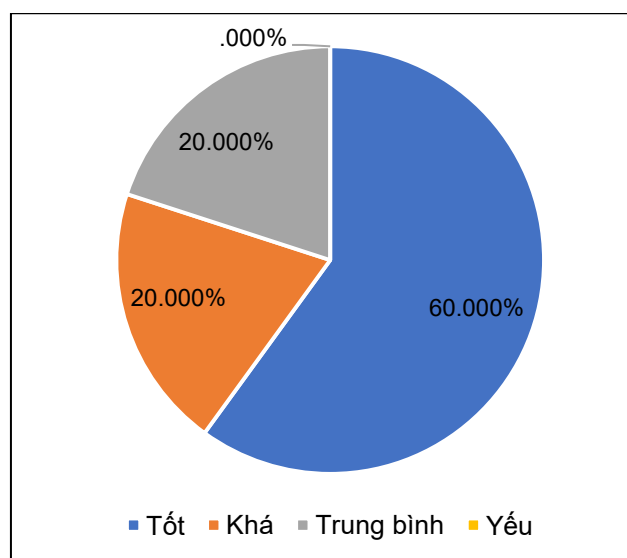
Nhận xét: 100% điều dưỡng, hộ sinh trong nghiên cứu là nữ giới. Tuổi trung bình là $28,3 \pm 5,7$ tuổi. Trong đó trẻ tuổi nhất là 23 tuổi, nhiều tuổi nhất là 43 tuổi. Tỷ lệ nhân viên y tế độc thân là 60,0%, đã kết hôn là 40,0%. Tỷ lệ nhân viên y tế có trình độ đại học là 33,3% còn lại là cao đẳng chiếm 66,7%.

Bảng 3.2. Trung bình điểm kiến thức liên quan đến kỹ năng giáo dục sức khỏe của điều dưỡng, hộ sinh (n = 15)

Đặc điểm	TB ± SD	Min - Max
Kiến thức liên quan đến kỹ năng làm quen (0 - 6)	5,27 ± 0,79	3 - 6
Kiến thức liên quan đến kỹ năng quan sát (0 - 8)	6,60 ± 1,35	4 - 8
Kiến thức liên quan đến kỹ năng lắng nghe (0 - 6)	5,87 ± 0,35	5 - 6
Kiến thức liên quan đến kỹ năng đặt câu hỏi (0 - 16)	11,67 ± 2,44	7 - 16
Kiến thức liên quan đến kỹ năng giải thích (0- 12)	10,13 ± 1,72	7 - 12
Kiến thức liên quan đến kỹ năng sử dụng tài liệu tham khảo (0-6)	4,80 ± 1,78	0 - 6
Kiến thức liên quan đến kỹ năng khuyến khích, động viên, khen ngợi (0-6)	5,47 ± 0,74	4 - 6
Tổng (0 - 60)	49,8 ± 7,06	38,0 - 58,0

Nhận xét: Trung bình kiến thức liên quan đến kỹ năng GDSK của điều dưỡng, hộ sinh trong nghiên cứu này là 49,8 ($\pm 7,06$)/60 điểm (38 - 58 điểm). Trung bình kiến thức liên quan đến kỹ năng quan sát là 6,60($\pm 1,35$)/8 điểm; kỹ năng lắng nghe là

5,87($\pm 0,35$)/6 điểm; kỹ năng đặt câu hỏi 11,67($\pm 2,44$)/16 điểm; kỹ năng giải thích là 10,13($\pm 1,72$)/12 điểm; kỹ năng sử dụng tài liệu tham khảo là 4,80($\pm 1,78$)/6 điểm và kỹ năng khuyến khích, động viên, khen ngợi là 5,47($\pm 0,74$)/6 điểm.



Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ mức độ kiến thức liên quan đến kỹ năng giáo dục sức khỏe (n = 15)

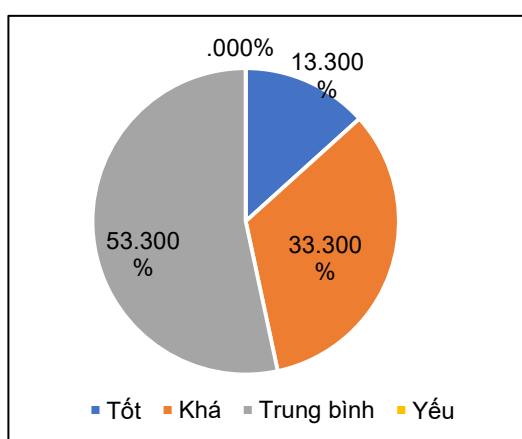
Nhận xét: Kết quả phân loại bảng trên cho thấy tỷ lệ NVYT có kiến thức liên quan đến kỹ năng giáo dục ở mức tốt là

60,0%; mức khá là 20,0% và mức độ trung bình là 20,0%.

Bảng 3.3. Điểm trung bình các kỹ năng giáo dục sức khỏe (n = 15)

Kỹ năng	TB ± SD	Min - Max
1. Kỹ năng thuyết trình/nói (1-5)	3,47 ± 0,64	3 - 5
2. Kỹ năng đặt câu hỏi (1-5)	3,27 ± 0,59	3 - 5
3. Kỹ năng lắng nghe (1-5)	4,00 ± 0,65	3 - 5
4. Kỹ năng quan sát (1-5)	3,67 ± 0,72	3 - 5
5. Kỹ năng thuyết phục (1-5)	3,27 ± 0,59	3 - 5
6. Kỹ năng khuyến khích, động viên (1-5)	3,60 ± 0,63	3 - 5
7. Kỹ năng sử dụng tài liệu TT-GDSK (1-5)	3,53 ± 0,74	3 - 5
8. Kỹ năng sử dụng phi ngôn từ (1-5)	3,40 ± 0,73	3 - 5
Tổng (8-40)	28,2 ± 3,97	24 - 40

Nhận xét: Điểm trung bình 08 kỹ năng giáo dục sức khỏe của NVYT trong nghiên cứu này là 28,2(±3,97)/40 điểm (24/40 - 40/40 điểm). Điểm trung bình kỹ năng thuyết trình/nói là 3,47(±0,64)/5 điểm; kỹ năng đặt câu hỏi là 3,27(±0,59)/5 điểm; kỹ năng lắng nghe là 4,00(±0,65)/5 điểm; kỹ năng quan sát là 3,67(±0,72)/5 điểm; kỹ năng thuyết phục là 3,27(±0,59)/5 điểm; kỹ năng khuyến khích, động viên là 3,60(±0,63)/5 điểm; kỹ năng sử dụng tài liệu TT-GDSK đều là 3,53(±0,74)/5 điểm và kỹ năng sử dụng phi ngôn từ là 3,40(±0,73)/5 điểm.

**Biểu đồ 3.2. Mức độ kỹ năng giáo dục sức khỏe của điều dưỡng, hộ sinh**

Nhận xét: Kết quả ở biểu đồ trên cho thấy: Tỷ lệ NVYT có kỹ năng giáo dục sức khỏe ở mức tốt là 13,3%; mức khá là 33,3%; trung bình là 53,3% và không có NVYT nào ở mức yếu.

4. BÀN LUẬN

Trong nghiên cứu này, 100% ĐD, hộ sinh là nữ giới, tỷ lệ này ở đơn vị bệnh viện Phụ sản là hoàn toàn phù hợp do đặc thù yêu cầu nghề nghiệp. Tuổi của đối tượng nghiên cứu khá trẻ, trung bình là 28,3 ± 5,7 tuổi. Trong đó trẻ tuổi nhất là 23 tuổi, nhiều tuổi nhất là 43 tuổi. Tỷ lệ nhân viên y tế độc thân là 60,0%, đã kết hôn là 40,0%. Tỷ lệ nhân viên y tế có trình độ đại học là 33,3% còn lại là cao đẳng chiếm 66,7%.

Kết quả nghiên cứu cho thấy điểm trung bình kiến thức liên quan đến kỹ năng giáo dục sức khỏe của điều dưỡng, hộ sinh trong nghiên cứu này là 49,8±7,06/60 điểm. Điểm thấp nhất là 38/60 điểm và cao nhất là 58/60 điểm. Như vậy mức điểm này ở mức khá cao. Điểm trung bình kiến thức liên quan đến kỹ năng quan sát là 6,60±1,35/8 điểm; kỹ năng lắng nghe là 5,87±0,35/6 điểm; kỹ năng đặt câu hỏi 11,67±2,44/16 điểm; kỹ năng giải thích là

10,13±1,72/12 điểm; kỹ năng sử dụng tài liệu tham khảo là 4,80±1,78/6 điểm và kỹ năng khuyến khích, động viên, khen ngợi là 5,47±0,74/6 điểm.

Như vậy điểm trung bình kiến thức liên quan đến kỹ năng đặt câu hỏi là thấp nhất; cao nhất là nhóm kiến thức liên quan đến kỹ năng lắng nghe. Kết quả phân loại mức độ kiến thức cho thấy tỷ lệ NVYT có kiến thức liên quan đến kỹ năng giáo dục ở mức tốt là 60,0%; mức khá là 20,0% và mức độ trung bình là 20,0%. Kết quả của quá trình tổng quan tài liệu cho thấy có nhiều thang đo và mức phân loại kiến thức, thực hành tư vấn giáo dục sức khỏe khác nhau đã được áp dụng trên đối tượng nhân viên y tế nói chung và điều dưỡng, hộ sinh nói riêng. Tuy nhiên so sánh kết quả của nghiên cứu này với một số nghiên cứu khác kiến thức giáo dục sức khỏe của điều dưỡng ở nghiên cứu này là cao hơn.

Nghiên cứu của tác giả Bùi Thị Bích Nga (2011) về thực trạng công tác chăm sóc của ĐD thông qua nhận xét của người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương cho thấy tỷ lệ điều dưỡng viên công tác tư vấn, GDSK cho người bệnh chỉ đạt 49,6% [3].

Kết quả nghiên cứu khác tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình nhằm mô tả thực trạng công tác chăm sóc ĐD cho thấy kết quả thực hiện công tác tư vấn, hướng dẫn GDSK lại khá thấp chỉ đạt 66,2% [4].

Nghiên cứu tại Bệnh viện C Thái Nguyên của Phạm Thị Loan cho thấy 97,18% người bệnh đánh giá được ĐD thông báo và hướng dẫn sử dụng thuốc; tỷ lệ ĐD giải thích động viên người bệnh khi thực hiện tiêm truyền và thủ thuật cũng được người bệnh đánh giá khá cao đạt 87,3%; có 86,86% người bệnh đánh giá được ĐD hướng dẫn về chế độ ăn uống [5].

Kết quả nghiên cứu của Trịnh Thị Tuyết và cộng sự đánh giá thực trạng kiến thức giáo dục sức khỏe của điều dưỡng và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Nội tiết Trung ương năm 2022 cho thấy 64,1% điều dưỡng có kiến thức đạt trong đó kiến thức về các kỹ năng làm quen, lắng nghe, quan sát chiếm tỷ lệ khá cao [6].

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đánh giá kỹ năng giáo dục sức khỏe của điều dưỡng, hộ sinh dựa trên 8 nhóm kỹ năng là thuyết trình/nói; đặt câu hỏi; lắng nghe; quan sát; thuyết phục với điểm trung bình kỹ năng thuyết trình/nói của NVYT là 3,47(±0,64)/5 điểm; khuyến khích, động viên; sử dụng tài liệu TT-GDSK và kỹ năng sử dụng phi ngôn từ.

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ điều dưỡng hộ sinh tự tin với kỹ năng thuyết trình là 33,3%; kỹ năng đặt câu hỏi là 13,3%; kỹ năng lắng nghe là 60,0%; kỹ năng quan sát là 40,0% với điểm trung bình là 3,67(± 0,72)/5 điểm kỹ năng thuyết phục là 13,3% với điểm trung bình là 3,27(±0,59)/5 điểm; kỹ năng khuyến khích, động viên và kỹ năng sử dụng tài liệu TT-GDSK đều là 46,7% với điểm trung bình là 3,60(±0,63)/5 điểm; kỹ năng sử dụng phi ngôn từ là 33,3% với điểm trung bình là 40(±0,73)/5 điểm. Điểm trung bình 08 kỹ năng giáo dục sức khỏe của điều dưỡng, hộ sinh trong nghiên cứu này là 28,2(±3,97)/40 điểm. Điểm thấp nhất là 24/40 điểm và cao nhất là 40/40 điểm.

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ NVYT có kỹ năng giáo dục sức khỏe ở mức tốt là 13,3%; mức khá là 33,3%; trung bình là 53,3% và không có NVYT nào ở mức yếu. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Bích Nga tại Bệnh viện Phổi Trung Ương năm 2015 đã đánh giá chung hoạt

động hướng dẫn, tư vấn, giáo dục sức khỏe chỉ đạt 50,2% [7].

Tại Israel, nghiên cứu của Yael Livne năm 2017 với 328 điều dưỡng tại 26 đơn vị trong bệnh viện cho thấy điều dưỡng ưu tiên hoạt động giáo dục sức khỏe cho người bệnh trong hoạt động chăm sóc hàng ngày tương đối cao. Điểm trung bình 3,86 (1 - 5), điều dưỡng nhận thức được vai trò của giáo dục sức khỏe, điểm trung bình 4,6 (1 - 5) [8].

5. KẾT LUẬN

Trong nghiên cứu này tỷ lệ điều dưỡng, hộ sinh có kiến thức liên quan đến kỹ năng giáo dục sức khỏe ở mức tốt là 60,0%; mức khá là 20,0% và mức độ trung bình là 20,0%. Với trung bình kiến thức liên quan đến kỹ năng giáo dục sức khỏe là 49,8(±7,06)/60 điểm (38 - 58 điểm). Trung bình kiến thức quan sát là 6,60(±1,35)/8 điểm; kỹ năng lắng nghe là 5,87(±0,35)/6 điểm; kỹ năng đặt câu hỏi 11,67(±2,44)/16 điểm; kỹ năng giải thích là 10,13(±1,72)/12 điểm; kỹ năng sử dụng tài liệu tham khảo là 4,80(±1,78)/6 điểm và kỹ năng khuyến khích, động viên, khen ngợi là 5,47(±0,74)/6 điểm.

Tỷ lệ điều dưỡng, hộ sinh có kỹ năng giáo dục sức khỏe ở mức tốt là 13,3%; mức khá là 33,3%; trung bình là 53,3% và không có điều dưỡng, hộ sinh nào ở mức yếu.

Điểm trung bình 08 kỹ năng giáo dục sức khỏe của nhân viên y tế trong nghiên cứu này là 28,2(±3,97)/40 điểm (24/40 - 40/40 điểm). Điểm trung bình kỹ năng thuyết trình/nói là 3,47(±0,64)/5 điểm; kỹ năng đặt câu hỏi là 3,27(±0,59)/5 điểm; kỹ năng lắng nghe là 4,00(±0,65)/5 điểm; kỹ năng quan sát là 3,67(±0,72)/5 điểm; kỹ năng thuyết phục là 3,27(±0,59)/5 điểm; kỹ

năng khuyến khích, động viên là 3,60(±0,63)/5 điểm; kỹ năng sử dụng tài liệu Truyền thông - Giáo dục sức khỏe là 3,53(±0,74)/5 điểm và kỹ năng sử dụng phi ngôn từ là 3,40(±0,73)/5 điểm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Y tế (2021)**. Thông tư số: 31/2021/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2021 quy định hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện.
2. **Casey, D. (2017)**. Using action research to change health-promoting practice, *Nursing and Health Sciences*, vol.9 (pg.5-13).
3. **Bùi Thị Bích Ngà (2011)**. Thực trạng công tác chăm sóc của Điều dưỡng qua nhận xét của người bệnh điều trị nội trú tại BV YHCT TW, năm 2011, Luận văn thạc sỹ Quản lý bệnh viện, Trường đại học Y tế Công cộng Hà Nội.
4. **Nguyen Hong Minh (2020)**. Identification of Nursing Activities at General Medical and Surgical Nursing Units in Vietnam. Master's Thesis Department of Nursing Sciences The Graduate School, Ajou University.
5. **Phạm Thị Loan và cộng sự (2006)**. Khảo sát thực trạng giao tiếp của điều dưỡng, nữ hộ sinh và kỹ thuật viên tại bệnh viện C Thái Nguyên". Kỷ yếu đề tài nghiên cứu khoa học điều dưỡng Hội nghị khoa học điều dưỡng toàn quốc lần thứ III, Hà Nội, tr. 169-175.
6. **Trịnh Thị Tuyết (2022)**. Thực trạng kiến thức giáo dục sức khỏe của điều dưỡng và một số yếu tố liên quan tại bệnh viện nội tiết Trung ương năm 2022. Tạp chí Khoa học Điều dưỡng - Tập 05 - Số 04. Tr 191 - 200.
7. **Trần Thị Hằng Nga, Nguyễn Thị Minh Chính (2018)**. Đánh giá hoạt động giáo dục sức khỏe của điều dưỡng Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị và một số yếu tố liên quan năm 2018. Tạp chí Khoa học Điều dưỡng, 1(3), 28-34.
8. **Yael Livne, Ilana Peterfreund, Janna Sheps (2017)**. Barriers to patient education and their relationship to nurses' perceptions of patient education climate, *Journal for the Clinical Nursing Specialists*. 5(4). <https://doi.org/10.5430/cns.v5n4p65>.

Phụ lục 1
BỘ CÂU HỎI
(Đối tượng là ĐD, Hộ sinh)

Mã phiếu điều tra:

Giáo dục sức khỏe cho NB là một việc làm rất cần thiết và là nhiệm vụ bắt buộc của ĐD. Để có cái nhìn khách quan về sự hiểu biết cũng như thực hành của ĐD về vấn đề này nhóm nghiên cứu rất mong nhận được sự trả lời của Anh/Chị về các nội dung trong bộ câu hỏi sau.

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

Xin Anh/Chị vui lòng trả lời đầy đủ các câu hỏi dưới đây (bằng hình thức đánh dấu x vào ô những ý mà ông/bà cho là đúng).

PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG

TT	Câu hỏi	Câu trả lời
1.1	Năm sinh:	Năm
1.2	Giới tính:	1 <input type="checkbox"/> Nam 2 <input type="checkbox"/> Nữ
1.3	Tình trạng hôn nhân:	1 <input type="checkbox"/> Độc thân 2 <input type="checkbox"/> Đã kết hôn 3 <input type="checkbox"/> Goá/Ly hôn/Ly thân
1.4	Trình độ văn hóa:	1 <input type="checkbox"/> Trung cấp 2 <input type="checkbox"/> Cao đẳng 3 <input type="checkbox"/> Đại học 4 <input type="checkbox"/> Sau đại học
1.5	Anh/chị đã làm trong ngành được.....năm	1 <input type="checkbox"/> 1 năm 2 <input type="checkbox"/> 2 năm 3 <input type="checkbox"/> 3 năm 4 <input type="checkbox"/> 4 năm 5 <input type="checkbox"/> 5 năm 6 <input type="checkbox"/> trên 5 năm
1.6	Vị trí công tác hiện nay anh/chị đảm nhận:	1 <input type="checkbox"/> ĐD viên 2 <input type="checkbox"/> Hộ sinh viên 3 <input type="checkbox"/> ĐD hành chính 4 <input type="checkbox"/> Hộ sinh hành chính

PHẦN 2. KIẾN THỨC LIÊN QUAN ĐẾN KỸ NĂNG VÀ KỸ NĂNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE CỦA ĐD, HỘ SINH

A. Kiến thức liên quan đến kỹ năng giáo dục sức khỏe

TT	Câu hỏi	Trả lời	
I. Làm quen với NB			
1	Khi giáo dục sức khỏe cho NB, anh/chị có thực hiện chào hỏi thân mật đối tượng giáo dục sức khỏe không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
2	Khi thực hiện giáo dục sức khỏe, anh/chị có nêu rõ lý do, ý nghĩa của buổi giáo dục sức khỏe để cho đối tượng hiểu rõ, giúp họ hợp tác tốt trong quá trình trao đổi không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không

TT	Câu hỏi	Trả lời	
3	Trong lúc mở đầu cuộc nói chuyện, anh/chị có quan tâm đến các đặc điểm, các vấn đề liên quan đến NB và gia đình, tạo sự gần gũi, thân thiện không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
II. Quan sát NB			
1	Khi thực hiện giáo dục sức khỏe, anh/chị có sự quan sát tổng thể các sự kiện, hiện tượng liên quan đến các vấn đề, chủ đề sức khỏe mà anh/chị chuẩn bị nói chuyện không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
2	Trong buổi tiếp xúc nói chuyện với NB, anh/chị có quan sát bao quát để biết được mức độ quan tâm, chú ý của NB với mình như thế nào, để từ đó có các điều chỉnh hợp lý trong giao tiếp, ứng xử không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
3	Khi có điều kiện, anh/chị có yêu cầu gia đình mô tả hoặc thực hiện một số hành động liên quan đến các hoạt động nâng cao sức khỏe để nắm được tình hình hiểu biết của NB về vấn đề không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
4	Khi giáo dục sức khỏe, nếu phát hiện được những vấn đề có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, anh/chị có trao đổi ngay với NB để có hướng giải quyết không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
III. Lắng nghe			
1	Khi lắng nghe anh/chị có nghe một cách chủ động, nhìn vào mắt người nói và biểu hiện sự thân thiện, khích lệ người nói không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
2	Anh/chị có thể hiện sự đồng cảm, sự thấu hiểu với NB thông qua qua cử chỉ, dáng điệu không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
3	Khi giáo dục sức khỏe anh/chị có đột ngột ngắt lời người nói, làm việc khác, hoặc nhìn đi nơi khác và thể hiện sự sốt ruột, khó chịu không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
IV. Đặt câu hỏi			
1	Trong quá trình GDSK, anh/chị có đặt câu hỏi để tìm hiểu vấn đề, để đánh giá mức độ hiểu biết và thái độ của đối tượng không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
2	Khi GDSK anh/chị có sử dụng câu hỏi đóng để đánh giá nhanh, để biết được tình hình chung của NB không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
3	Khi GDSK anh/chị có sử dụng câu hỏi mở là để đánh giá quan điểm, thái độ của người bệnh về một vấn đề, các nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng, cách giải quyết, các đề xuất cho một việc cụ thể không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không

TT	Câu hỏi	Trả lời	
4	Khi GDSK anh/chị có đặt câu hỏi có liên quan với chủ đề GDSK và tránh các câu hỏi lan man gây mất tập trung, ảnh hưởng đến kết quả không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
5	Khi GDSK anh/chị có hỏi kiểu kiểm tra kiến thức hoặc hỏi liên tục gây ức chế đối tượng không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
6	Khi GDSK anh/chị có kết hợp các dạng câu hỏi tùy thuộc vào ý đồ và tình huống không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
7	Khi GDSK khi phát hiện NB có những thiếu hụt kiến thức hoặc hiểu sai vấn đề anh/chị có cung cấp thông tin bổ sung thích hợp, giải thích, làm rõ cho NB không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
8	Khi GDSK anh/chị có đặt câu hỏi rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với NB, để giúp NB có câu trả lời đúng trọng tâm, có đủ thông tin không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
V. Giải thích			
1	Trong quá trình GDSK anh/chị có nắm vững các nội dung liên quan đến chủ đề, đến vấn đề sức khỏe mà NB quan tâm không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
2	Khi GDSK anh/chị có giải thích một cách trình tự, lô gic, đầy đủ, rõ ràng không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
3	Khi GDSK anh/chị có sử dụng từ ngữ dễ hiểu, phù hợp với văn hóa địa phương không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
4	Trong quá trình giải thích anh/chị có sử dụng các phương tiện trực quan (tài liệu hướng dẫn, tranh ảnh) để minh họa đối tượng hiểu rõ vấn đề không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
5	Khi GDSK nếu có những vấn đề vướng mắc, những câu hỏi mà NB đặt ra, cần dành thời gian để giải thích, trình bày một cách đầy đủ. Nếu chưa có khả năng trả lời ngay, nên hẹn NB một dịp khác thích hợp không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
6	Khi GDSK anh/chị có luôn thể hiện sự tôn trọng đối tượng trong khi giải thích hoặc trả lời câu hỏi không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
VI. Sử dụng tài liệu GDSK			
1	Khi GDSK anh/chị có chuẩn bị đầy đủ những tài liệu, phương tiện, vật liệu liên quan không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
2	Anh/chị có sử dụng các tài liệu, vật liệu sử dụng thích hợp, đúng thời điểm để minh họa, làm rõ nội dung GDSK và làm tăng hiệu quả GDSK không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
3	Khi GDSK anh/chị có sử dụng các tài liệu, vật liệu truyền thông đã được chính thức lưu hành, có cơ sở khoa học không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không

TT	Câu hỏi	Trả lời	
VII. Khuyến khích, động viên, khen ngợi			
1	Khi GDSK hay khi muốn góp ý cho NB, anh/chị có bắt đầu bằng sự khen ngợi. Cố gắng tìm những điểm tốt dù là nhỏ của đối tượng để khen ngợi, khuyến khích, nhằm động viên, tạo sự tự tin cho họ không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
2	Khi GDSK anh/chị có phê phán những hiểu biết sai, những việc làm chưa đúng hay chưa làm của NB, một cách gay gắt không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không
3	Khi GDSK anh/chị có tạo điều kiện tiếp tục hỗ trợ NB thực hiện theo những yêu cầu hay thực hành những kỹ năng cần thiết không?	1 <input type="checkbox"/> Có (đúng, đủ) 2 <input type="checkbox"/> Có (chưa đúng, đủ)	3 <input type="checkbox"/> Không

B. Kỹ năng giáo dục sức khỏe

Anh/chị hãy đánh giá về mức độ tự tin khi thực hiện kỹ năng GDSK cho NB nội trú. Bằng cách đánh dấu (X) vào ô thích hợp với câu hỏi.

Các kỹ năng cơ bản	Rất không tự tin (1)	Không tự tin (2)	Bình thường (3)	Tự tin (4)	Rất tự tin (5)
1. Kỹ năng thuyết trình/nói					
2. Kỹ năng đặt câu hỏi					
3. Kỹ năng lắng nghe					
4. Kỹ năng quan sát					
5. Kỹ năng thuyết phục					
6. Kỹ năng khuyến khích, động viên					
7. Kỹ năng sử dụng tài liệu TT-GDSK					
8. Kỹ năng sử dụng phi ngôn từ					

Xin chân thành cảm ơn các anh/chị

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Người phỏng vấn